

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH***

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015  
đã được kiểm toán*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>5 – 26</b>
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 25
Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước	26

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, được thành lập theo quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt phương án, điều lệ chuyển đổi Công ty Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ thành Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ và Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động (thay thế điều lệ cũ) của Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800271113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 8 năm 2010.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **60.264.015.048** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015 bao gồm:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xây lắp, duy tu và sửa chữa các công trình;
- Cho thuê xe có động cơ, cho thuê máy móc và các đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ đô thị.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 05 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 02 tháng 7 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 26).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015 là kỳ kế toán cuối cùng của Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ. Từ ngày 03 tháng 7 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 03 tháng 7 năm 2015.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 02 tháng 7 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

Chủ tịch Công ty và kiểm soát viên trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lưu Việt Chiến	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2014
Ông Nguyễn Quốc Chính	Chủ tịch	Nghỉ hưu từ ngày 01/11/2014
Ông Đặng Minh Khiết	Kiểm soát viên	

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Báo cáo của Ban Giám đốc** (tiếp theo)

---

**BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2014
Ông Nguyễn Quốc Bửu	Giám đốc	Nghi hưu từ ngày 01/11/2014
Ông Nguyễn Thạch Em	Phó Giám đốc	
Ông Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng	

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

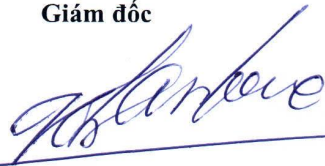
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 02 tháng 7 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2015*

**TM. Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**



**Trần Thanh Phong**



Số: 289./2015/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2015, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 02 tháng 7 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ tại ngày 02 tháng 7 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc Công ty**



**Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Thị Mai**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

### **Headquarters**

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 \*Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

### **Branch in Hanoi**

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi  
Tel: (84-04) 3793 1428 \*Fax: (84-04) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 02 tháng 7 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	02/7/2015	01/01/2014
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.895.632.508</b>	<b>51.144.359.948</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>28.167.045.021</b>	<b>27.251.570.256</b>
1.	Tiền	111	V.01	14.067.045.021	9.234.206.626
2.	Các khoản tương đương tiền	112		14.100.000.000	18.017.363.630
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.634.887.206</b>	<b>21.332.786.184</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		14.707.745.726	19.997.958.583
2.	Trả trước cho người bán	132		40.000.000	854.279.165
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	887.141.480	480.548.436
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>112.674.186</b>	<b>1.713.370.508</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	112.674.186	1.713.370.508
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>981.026.095</b>	<b>846.633.000</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	158.588.495	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	822.437.600	846.633.000

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	02/7/2015	01/01/2014
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>28.801.990.499</b>	<b>83.790.511.693</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.491.599.872</b>	<b>75.094.415.301</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	25.491.599.872	40.433.486.609
	- Nguyên giá	222		53.984.940.950	87.042.703.582
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(28.493.341.078)	(46.609.216.973)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	-	6.200.290.900
	- Nguyên giá	228		-	6.200.290.900
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	-	28.460.637.792
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.310.390.627</b>	<b>8.696.096.392</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	3.310.390.627	8.696.096.392
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>73.697.623.007</b>	<b>134.934.871.641</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	02/7/2015	01/01/2014
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>20.254.171.571</b>	<b>27.685.059.655</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.246.171.571</b>	<b>27.297.671.655</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312		5.121.556.147	730.173.632
3.	Người mua trả tiền trước	313		2.107.499.000	1.367.410.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	1.176.771.503	1.785.523.867
5.	Phải trả người lao động	315		1.735.064.966	12.391.285.542
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	273.833.849	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	9.247.898.830	948.247.299
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		583.547.276	10.075.031.315
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.000.000</b>	<b>387.388.000</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		8.000.000	387.388.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>53.443.451.436</b>	<b>107.249.811.986</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>53.443.451.436</b>	<b>107.249.811.986</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		53.443.451.436	56.881.417.672
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	12.120.112.078
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	6.008.461.451
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	3.495.222.244
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	4.682.654.787
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	24.061.943.754
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>73.697.623.007</b>	<b>134.934.871.641</b>



**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	02/7/2015	01/01/2014
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		664.702.380	664.702.380
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

1101 N T 11 KHU M 111

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015

Đơn vị tính: VND

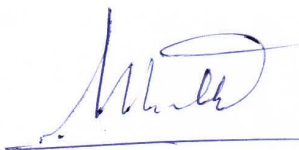
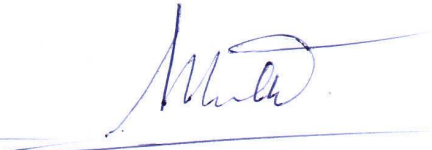
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>159.710.622.247</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1.300.000
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.03</b>	<b>159.709.322.247</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	138.203.599.485
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>21.505.722.762</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.371.084.106
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	38.658.713
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		38.658.713
8.	Chi phí bán hàng	24		-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.022.302.242
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.815.845.913</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	1.542.874.993
12.	Chi phí khác	32	VI.08	962.672.184
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>580.202.809</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.396.048.722</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	678.970.476
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>2.717.078.246</b>

Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		178.343.310.712
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(105.162.521.335)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(46.130.032.598)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(38.658.713)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(2.271.619.438)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		18.738.477.704
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.605.257.243)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>18.873.699.089</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(20.202.251.611)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		872.943.181
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.371.084.106
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(17.958.224.324)</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
 Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND


STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>915.474.765</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>27.251.570.256</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>28.167.045.021</b>

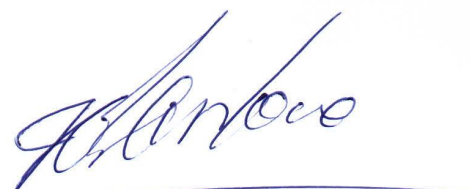
Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty TNHH Một thành viên.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015 bao gồm:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xây lắp, duy tu và sửa chữa các công trình;
- Cho thuê xe có động cơ, cho thuê máy móc và các đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ đô thị.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015 là kỳ kế toán cuối cùng của Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ. Từ ngày 03 tháng 7 năm 2015 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 03 tháng 7 năm 2015.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

##### **02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### **03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

###### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

###### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- TSCĐ hữu hình khác	06 – 08 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không khấu hao

##### **04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

**05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí di dời bãi rác Tân Long;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

**06. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch đánh giá lại tài sản phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản theo Quyết định số 2723/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố lại giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ.

**07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

	<u>02/7/2015</u>	<u>01/01/2014</u>
<b>01. Tiền</b>		
- Tiền mặt	327.218.210	31.346.861
- Tiền gửi ngân hàng	13.739.826.811	9.202.859.765
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>14.067.045.021</u></b>	<b><u>9.234.206.626</u></b>
<b>02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
	<u>02/7/2015</u>	<u>01/01/2014</u>
- Phải thu về cổ phần hóa	343.911.600	183.600.000
- Phải thu khác	543.229.880	296.948.436
+ Công ty Cổ phần Tư vấn & Đầu tư Xây dựng Quế Lâm	-	238.719.000
+ Phải thu khác	543.229.880	58.229.436
<b>Cộng</b>	<b><u>887.141.480</u></b>	<b><u>480.548.436</u></b>
<b>03. Hàng tồn kho</b>		
	<u>02/7/2015</u>	<u>01/01/2014</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	112.674.186	1.091.647.024
- Công cụ, dụng cụ	-	89.750.779
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	531.972.705
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>112.674.186</u></b>	<b><u>1.713.370.508</u></b>
<b>04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
	<u>02/7/2015</u>	<u>01/01/2014</u>
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	158.588.495	-
<b>Cộng</b>	<b><u>158.588.495</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>05. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
	<u>02/7/2015</u>	<u>01/01/2014</u>
- Tạm ứng	822.437.600	846.633.000
<b>Cộng</b>	<b><u>822.437.600</u></b>	<b><u>846.633.000</u></b>



**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐỒ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư ngày 01/01/2014</b>	<b>22.847.787.708</b>	<b>3.424.779.223</b>	<b>59.471.603.801</b>	<b>49.710.000</b>	<b>1.248.822.850</b>	<b>87.042.703.582</b>
- Mua trong kỳ	-	-	6.605.550.908	-	-	6.605.550.908
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	55.142.522	-	-	-	-	55.142.522
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Bàn giao theo phê duyệt CPH	(5.844.978.595)	(878.341.371)	(14.947.377.852)	-	(1.248.822.850)	(22.919.520.668)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.652.212.670)	-	-	(2.652.212.670)
- Giảm khác	-	-	(68.000.000)	-	-	(68.000.000)
- Giảm khác 2015	(13.067.549.861)	(563.031.156)	(448.141.707)	-	-	(14.078.722.724)
<b>Số dư ngày 02/7/2015</b>	<b>3.990.401.774</b>	<b>1.983.406.696</b>	<b>47.961.422.480</b>	<b>49.710.000</b>	<b>-</b>	<b>53.984.940.950</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư ngày 01/01/2014</b>	<b>7.303.535.895</b>	<b>1.895.902.867</b>	<b>36.151.596.194</b>	<b>11.046.667</b>	<b>1.247.135.350</b>	<b>46.609.216.973</b>
- Khấu hao trong kỳ	512.653.898	411.223.578	6.474.718.230	11.599.001	-	7.410.194.707
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Bàn giao theo phê duyệt CPH	(3.354.947.237)	(480.008.807)	(14.947.377.852)	-	(1.247.135.350)	(20.029.469.246)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.613.084.485)	-	-	(2.613.084.485)
- Giảm khác	-	-	(68.000.000)	-	-	(68.000.000)
- Giảm khác 2015	(2.245.024.011)	(406.724.669)	(163.768.191)	-	-	(2.815.516.871)
<b>Số dư ngày 02/7/2015</b>	<b>2.216.218.545</b>	<b>1.420.392.969</b>	<b>24.834.083.896</b>	<b>22.645.668</b>	<b>-</b>	<b>28.493.341.078</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>15.544.251.813</b>	<b>1.528.876.356</b>	<b>23.320.007.607</b>	<b>38.663.333</b>	<b>1.687.500</b>	<b>40.433.486.609</b>
<b>2. Tại ngày 02/7/2015</b>	<b>1.774.183.229</b>	<b>563.013.727</b>	<b>23.127.338.584</b>	<b>27.064.332</b>	<b>-</b>	<b>25.491.599.872</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư ngày 01/01/2014</i>	<b>6.200.290.900</b>	<b>6.200.290.900</b>
- Bàn giao theo phê duyệt CPH	(4.143.119.500)	(4.143.119.500)
- Giảm khác	(2.057.171.400)	(2.057.171.400)
<i>Số dư ngày 02/7/2015</i>	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư ngày 01/01/2014</i>	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-
- Bàn giao theo phê duyệt CPH	-	-
<i>Số dư ngày 02/7/2015</i>	-	-
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày 01/01/2014</i>	<b>6.200.290.900</b>	<b>6.200.290.900</b>
<i>2. Tại ngày 02/7/2015</i>	-	-

**08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	02/7/2015	01/01/2014
+ Dự án diêm trung chuyên rác 721	-	16.285.177.180
+ Dự án bãi rác Tân Long	-	3.546.416.249
+ Dự án diêm trung chuyên rác hẻm 190 đường 30/4	-	7.769.688.461
+ Dự án lấp đất sử dụng lò đốt rác y tế	-	859.355.902
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>28.460.637.792</b>

**09. Chi phí trả trước dài hạn**

	02/7/2015	01/01/2014
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	882.815.920	2.615.205.849
- Chi phí di dời bãi rác Tân Long	-	3.542.556.668
- Vành đai cây xanh bãi rác Tân Long	-	110.759.168
- Lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa	2.427.574.707	2.427.574.707
<b>Cộng</b>	<b>3.310.390.627</b>	<b>8.696.096.392</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	02/7/2015	01/01/2014
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	745.803.650	27.192.336
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	319.028.475	1.720.775.608
- Thuế thu nhập cá nhân	-	37.555.923
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	111.939.378	-
<b>Cộng</b>	<b>1.176.771.503</b>	<b>1.785.523.867</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Chi phí phải trả**

	<b>02/7/2015</b>	<b>01/01/2014</b>
- Chi phí tiền ăn ca	190.391.758	-
- Chi phí phải trả khác	83.442.091	-
<b>Cộng</b>	<b>273.833.849</b>	<b>-</b>

**12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>02/7/2015</b>	<b>01/01/2014</b>
- Kinh phí công đoàn	26.222.509	37.611.840
- Bảo hiểm xã hội	722.259.464	-
- Bảo hiểm y tế	127.046.700	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	56.465.200	-
- Phải trả về cổ phần hóa	2.705.251.933	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.610.653.024	910.635.459
+ Dự án lấp đất thử nghiệm lò đốt rác y tế	-	224.218.000
+ Bảo hành tạm giữ 5% xây lắp - Dự án hầm 190	-	248.504.000
+ Tạm giữ 5% giá trị bảo hành bãi xử lý chất thải rắn Tân Long	336.204.000	336.204.000
+ Tạm giữ 5% GT BH CT xây lắp 721 Trần Phú	365.916.900	-
+ Tạm giữ 5% bảo hành HM xây lắp ô rác số 8 của Cty Việt Úc	123.970.000	-
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi điều chỉnh giảm do không đủ điều kiện	2.867.242.478	-
+ Giá trị thanh lý tài sản không đưa vào giá trị doanh nghiệp Cổ phần hóa	967.597.727	-
+ Các đối tượng khác	949.721.919	101.709.459
<b>Cộng</b>	<b>9.247.898.830</b>	<b>948.247.299</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Vốn chủ sở hữu**  
*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng cộng
<b>Số dư ngày 01/01/2014</b>	<b>56.881.417.672</b>	<b>12.120.112.078</b>	<b>6.008.461.451</b>	<b>3.495.222.244</b>	<b>4.682.654.787</b>	<b>-</b>	<b>24.061.943.754</b>	<b>107.249.811.986</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	12.889.341.583	12.889.341.583
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	2.717.078.246	-	2.717.078.246
Tăng khác	18.146.987.073	-	-	-	-	-	655.583.432	18.802.570.505
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(2.717.078.246)	-	(2.717.078.246)
Giảm vốn trong kỳ	-	(7.110.210.956)	-	-	(183.631.000)	-	(398.332.564)	(7.692.174.520)
Giảm khác	(21.584.953.309)	(5.009.901.122)	(6.008.461.451)	(3.495.222.244)	(4.499.023.787)	-	(37.208.536.205)	(77.806.098.118)
<b>Số dư ngày 02/7/2015</b>	<b>53.443.451.436</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>53.443.451.436</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>02/7/2015</b>	<b>01/01/2014</b>
- Vốn góp của Nhà nước	53.443.451.436	56.881.417.672
- Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>53.443.451.436</b>	<b>56.881.417.672</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	56.881.417.672
+ Vốn góp tăng trong kỳ	18.146.987.073
+ Vốn góp giảm trong kỳ	21.584.953.309
+ Vốn góp cuối kỳ	53.443.451.436
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015</b>
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	159.710.622.247
<b>Cộng</b>	<b>159.710.622.247</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015</b>
- Hàng bán bị trả lại	1.300.000
<b>Cộng</b>	<b>1.300.000</b>

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015</b>
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	159.709.322.247
<b>Cộng</b>	<b>159.709.322.247</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015</b>
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	138.203.599.485
<b>Cộng</b>	<b>138.203.599.485</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.371.084.106
<b>Cộng</b>	<b>1.371.084.106</b>

**06. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015
- Lãi tiền vay	38.658.713
<b>Cộng</b>	<b>38.658.713</b>

**07. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015
- Thu thanh lý tài sản cố định	872.943.181
- Thu thanh lý tài sản khác	274.645.023
- Thu nhập khác	395.286.789
<b>Cộng</b>	<b>1.542.874.993</b>

**08. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	333.467.136
- Chi phạt vi phạm hợp đồng	24.600.000
- Chi phí khác	604.605.048
<b>Cộng</b>	<b>962.672.184</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	678.970.476
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>678.970.476</b>

**(\*) Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.396.048.722
Các khoản điều chỉnh tăng	549.669.349
Các khoản chi phí không được trừ	549.669.349
Các khoản điều chỉnh giảm	859.488.636
Thu nhập từ thanh lý tài sản chờ thanh lý trả về Nhà nước	859.488.636
Thu nhập tính thuế TNDN	3.086.229.435
Thuế suất thuế TNDN	22%
Thuế TNDN	678.970.476
Thuế TNDN được giảm	-
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>678.970.476</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 02/7/2015</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.406.559.696
- Chi phí nhân công	40.660.421.779
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.410.194.707
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.747.650.157
- Chi phí khác bằng tiền	18.469.102.683
<b>Cộng</b>	<b>157.693.929.022</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015 là kỳ kế toán cuối cùng của Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ. Từ ngày 03 tháng 7 năm 2015 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 03 tháng 7 năm 2015.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 02 tháng 7 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh các sai sót đến số liệu đầu năm trước như sau:**

	<b>Mã số</b>	<b>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013</b>	<b>Số liệu điều chỉnh lại theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>Chênh lệch</b>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>50.922.680.948</b>	<b>51.144.359.948</b>	<b>221.679.000</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>21.111.107.184</b>	<b>21.332.786.184</b>	<b>221.679.000</b>
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(221.679.000)	-	221.679.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>77.782.050.242</b>	<b>83.790.511.693</b>	<b>6.008.461.451</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>71.616.534.627</b>	<b>75.094.415.301</b>	<b>3.477.880.674</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	36.955.605.935	40.433.486.609	3.477.880.674
- Nguyên giá	222	85.124.921.774	87.042.703.582	1.917.781.808
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(48.169.315.839)	(46.609.216.973)	1.560.098.866
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.200.290.900	6.200.290.900	-
- Nguyên giá	228	6.200.290.900	6.200.290.900	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	28.460.637.792	28.460.637.792	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>6.165.515.615</b>	<b>8.696.096.392</b>	<b>2.530.580.777</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.165.515.615	8.696.096.392	2.530.580.777
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>101.019.671.535</b>	<b>107.249.811.986</b>	<b>6.230.140.451</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>101.019.671.535</b>	<b>107.249.811.986</b>	<b>6.230.140.451</b>
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	11.898.433.078	12.120.112.078	221.679.000
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	6.008.461.451	6.008.461.451

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.167.045.021	-	27.251.570.256	-	28.167.045.021	27.251.570.256
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.594.887.206	-	20.478.507.019	-	15.594.887.206	20.478.507.019
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>43.761.932.227</b>	<b>-</b>	<b>47.730.077.275</b>	<b>-</b>	<b>43.761.932.227</b>	<b>47.730.077.275</b>

**Giá trị sổ sách**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	5.121.556.147	730.173.632	5.121.556.147	730.173.632
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	273.833.849	-	273.833.849	-
Các khoản phải trả khác	5.618.653.024	1.298.023.459	5.618.653.024	1.298.023.459
<b>Cộng</b>	<b>11.014.043.020</b>	<b>2.028.197.091</b>	<b>11.014.043.020</b>	<b>2.028.197.091</b>



**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
 Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**04. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**05. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	5.121.556.147	-	-	5.121.556.147
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	273.833.849	-	-	273.833.849
Các khoản phải trả khác	5.610.653.024	8.000.000	-	5.618.653.024
<b>Cộng</b>	<b>11.006.043.020</b>	<b>8.000.000</b>	-	<b>11.014.043.020</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	730.173.632	-	-	730.173.632
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	910.635.459	387.388.000	-	1.298.023.459
<b>Cộng</b>	<b>1.640.809.091</b>	<b>387.388.000</b>	-	<b>2.028.197.091</b>

**06. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**07. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Quyết định số 2723/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố lại giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ chi tiết theo thuyết minh VIII.02.

**08. Thông tin về hoạt động liên tục**

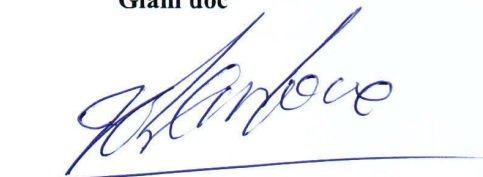
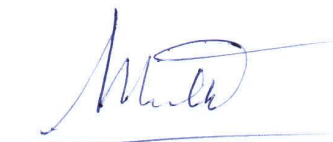
Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2015

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Lê Thanh Hiếu**

**Lê Thanh Hiếu**

**Trần Thanh Phong**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 02 tháng 7 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
<b>I- Thuế</b>	<b>10</b>	<b>1.785.523.867</b>	<b>7.549.650.279</b>	<b>8.316.991.138</b>	<b>1.018.183.008</b>
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	27.192.336	6.073.077.369	5.354.466.055	745.803.650
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
4. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	14	-	-	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	1.720.775.608	869.872.305	2.271.619.438	319.028.475
6. Thuế thu nhập cá nhân	16	37.555.923	90.712.198	286.856.616	(158.588.495)
7. Thuế tài nguyên	17	-	-	-	-
8. Thuế nhà đất	18	-	14.799.648	14.799.648	-
9. Tiền thuê đất	19	-	496.188.759	384.249.381	111.939.378
10. Các loại thuế khác	20	-	8.000.000	8.000.000	-
<b>II- Các khoản phải nộp khác</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
3. Các khoản phải nộp khác	33	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>40</b>	<b>1.785.523.867</b>	<b>7.549.650.279</b>	<b>8.316.991.138</b>	<b>1.018.183.008</b>

Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong